

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam
đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ ban hành kèm theo Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng;
Xét đề nghị của Bộ Xây dựng tại Tờ trình Thủ tướng Chính phủ số 752/BXD-VLXD ngày 23 tháng 5 năm 2002; của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 6493/BKHCN ngày 10 năm 2002;
Căn cứ kết luận cuộc họp các Bộ, ngành liên quan tại Văn phòng Chính phủ ngày 16 tháng 9 năm 2002,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh phát triển ngành công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu phát triển:
Mục tiêu phát triển của ngành công nghiệp xi măng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 là: đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng xi măng (cả về số lượng, chất lượng) trong nước, dành một phần xuất khẩu và nhanh chóng đưa ngành xi măng Việt Nam thành một ngành công nghiệp mạnh, có công nghệ sản xuất hiện đại, đủ sức cạnh tranh với các nước ngoài, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Quan điểm phát triển:
Về đầu tư:
Phát triển công nghiệp xi măng phải đảm bảo hiệu quả kinh tế, sản phẩm có sức cạnh tranh ngày càng cao trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, sử dụng tiết kiệm và bảo vệ môi trường sinh thái, di tích lịch sử văn hóa, cảnh quan và an ninh, quốc phòng. Chi đầu tư xây dựng các dự án xi măng nằm trong quy hoạch được phê duyệt phải thấp, suất đầu tư thấp, chủ đầu tư có năng lực; ưu tiên đầu tư các dự án có công suất từ 1 triệu tấn xi măng/năm trở lên, đồng thời huy động tối đa công suất của các cơ sở sản xuất hiện có để đáp ứng nhu cầu xi măng của các địa phương.

Về công nghệ:
Sử dụng công nghệ tiên tiến của thế giới, tự động hóa ở mức cao, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm tối đa nguyên liệu, nhiên liệu, thời gian khuyến khích mạnh để đẩy nhanh việc sản xuất, gia công máy móc, thiết bị và linh kiện chế tạo trong nước, đảm bảo các chỉ tiêu sản phẩm và bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế, đa dạng hóa sản phẩm xi măng, phục vụ sản xuất xi măng mác cao.

Về quy mô công suất:
Ưu tiên phát triển các dự án đầu tư quy mô công suất lớn và có xem xét điều kiện cụ thể của từng dự án để lựa chọn quy mô thích hợp.
Về nguồn vốn đầu tư:

Huy động tối đa các nguồn vốn trong nước (vốn tín dụng, trái phiếu công trình, vốn tự có, vốn cổ phần, vốn qua thị trường chứng khoán...) để đầu tư xi măng. Đa dạng hóa huy động vốn và hình thức đầu tư để các thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư sản xuất xi măng. Đối với các dự án mới, thực hiện theo hình thức công ty cổ phần, nhà nước giữ cổ phần chi phối. Nhà nước hỗ trợ vốn xây dựng những hạng mục công trình cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào nhà máy đối với những dự án đầu tư ở địa phương. Dự án đầu tư xi măng được vay vốn ưu đãi để sản xuất những phần thiết bị, máy móc, phụ tùng được gia công, chế tạo trong nước. Những dự án liên doanh với nước ngoài nếu mở rộng đầu tư phải tăng vốn pháp định của phía Việt Nam để đạt tỷ lệ từ 40% trở lên.

Về bố trí quy hoạch:
Xây dựng các cơ sở sản xuất xi măng phải dựa trên cơ sở cân đối nhu cầu thị trường trong nước, thị trường khu vực, nguồn nguyên liệu, điều kiện hạ tầng, khả năng trình độ và năng lực của chủ đầu tư, khả năng hỗ trợ của các ngành để có thể xác định hợp lý quy mô, địa điểm, chủng loại sản phẩm và thời gian thực hiện đầu tư dự án, quản lý, chỉ đạo thực hiện kế hoạch đầu tư các dự án xi măng, các trạm nghiền và phát triển ngành công nghiệp xi măng theo đúng quy hoạch được duyệt. Căn cứ vào điều kiện địa phương, loại dự án để quyết định phương thức và hình thức đầu tư thích hợp, có hiệu quả cao nhất.

Về phối hợp liên ngành:

Tăng cường sự liên kết, phối hợp giữa các ngành và các lĩnh vực liên quan như: cơ khí, giao thông vận tải, cung ứng vật tư kỹ thuật, xây dựng hạ tầng,... để đáp ứng nhu cầu phát triển ngành công nghiệp xi măng, đồng thời tạo điều kiện để các ngành khác cùng phát triển.

Huy động tối đa năng lực của các ngành cơ khí, luyện kim, tin học, tự động hóa,... trong nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị, công nghệ và phụ tùng cho ngành công nghiệp xi măng, tăng nhanh tỷ lệ nội địa hóa. Chính phủ hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho việc mua công nghệ tiên tiến để thiết kế, chế tạo các loại máy móc, thiết bị sản xuất xi măng nhập khẩu. Các dự án đầu tư xi măng có công suất từ trên 1 triệu tấn/năm và trạm nghiền có công suất 0,5 triệu tấn/năm trở xuống thực hiện phương thức đấu thầu trực tiếp cho các Tổng công ty cơ khí đủ năng lực trong nước làm nhà thầu chính thiết kế công nghệ, sản xuất chế tạo và lắp đặt thiết bị, đồng bộ cho dự án. Đối với các dự án xi măng lớn, phần sử dụng hàng hóa, thiết bị gia công chế tạo trong nước đạt tối thiểu 60% giá trị.

3. Các chỉ tiêu quy hoạch:

Các chỉ tiêu kỹ thuật sản xuất xi măng:

Các dự án đầu tư phát triển công nghiệp sản xuất xi măng phải phấn đấu thực hiện đến năm 2010 phải đạt các chỉ tiêu tiên tiến về tiêu hao nhiên liệu, nguyên liệu, nồng độ bụi của khí thải, cường độ tiếng ồn, mức độ tự động hóa, tỷ lệ chế tạo thiết bị trong nước, nâng cao năng suất lao động, đa dạng hóa các chủng loại xi măng, sản phẩm, hạ giá thành, cạnh tranh được với xi măng các nước trong khu vực và thế giới.

Một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Tiêu hao nhiệt năng ≤ 730 Kcal/kg clinker.

Tiêu hao điện năng ≤ 95 Kwh/tấn xi măng.

Nồng độ bụi khí thải ≤ 50 mg/Nm³.

Nhu cầu và kế hoạch huy động sản lượng các nhà máy xi măng.

Giai đoạn 2002 - 2005

Năm	2002	2003	2004	2005
- Tốc độ tăng tăng tiêu thụ (%)	20	15	14	13
- Nhu cầu xi măng (triệu tấn)	19,70	22,60	25,70	29,10
- Dự kiến sản lượng (triệu tấn)	16,0	17,80	18,80	22,00

Giai đoạn 2006 - 2010 và 2015, 2020

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2015	2020
- Tốc độ tăng (%)	12	12	10	10	10	5-8	2,5-3
- Nhu cầu (triệu tấn)	32,60	36,50	40,10	44,20	48,60	63-65	68-70
- Dự kiến sản lượng (triệu tấn)	27,95	35,30	42,05	47,60	49,80	62,80	

Danh mục tiến độ các dự án đầu tư và nhu cầu của ngành công nghiệp xi măng (phụ lục kèm theo), bao gồm:

Danh mục đầu tư các dự án xi măng đến 2010.

Danh mục đầu tư các trạm nghiền độc lập.

Vốn đầu tư và một số loại vật tư chủ yếu cho sản xuất xi măng.

Nhu cầu cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật cho sản xuất xi măng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm:

Quản lý và chỉ đạo triển khai thực hiện theo Quy hoạch điều chỉnh này. Phối hợp với các Bộ có liên quan nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách và tìm những giải pháp nhanh tiến độ đầu tư các dự án xi măng nhằm khắc phục tình trạng thiếu xi măng vào năm 2005 và những năm tiếp theo. Quá trình chỉ đạo triển khai, nếu vượt quá thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế của đất nước từng giai đoạn, trình Thủ tướng Chính phủ những nội dung cần điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp.

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công nghiệp lập chương trình và chỉ đạo việc chế tạo thiết bị, máy móc, linh kiện trong nước để thay thế nhập khẩu, đồng thời chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu chính sách hỗ trợ các đơn vị trong nước sử dụng, tham gia chế tạo thiết bị, phụ tùng vật tư nguyên liệu cho ngành công nghiệp xi măng.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Xây dựng lập kế hoạch, khảo sát, thăm dò, đánh giá trữ lượng nguyên liệu sản xuất xi măng một cách đầy đủ, chính xác để làm cơ sở lập kế hoạch phát triển dài hạn và ngắn hạn của ngành xi măng.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng Nam, các Tổng công ty, Công ty có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

[illegible]